Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3920.62.91

Mã HS	3920.62.91
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ các polycarbonat, nhựa alkyd, các este polyallyl hoặc các polyeste khác: / - - Từ poly(etylen terephtalat): / - - - Loại khác: / - - - - Màng bảo vệ chắn ánh sáng mặt trời (SEN)
Đơn vị	kg/m2/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 12:23:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39206291/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	9	9%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6052
Thuế NK ưu đãi (MFN)	6	6%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6052
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6052
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, MY, MM)	0% (trừ ID, MY, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, PH)	0% (trừ ID, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5862
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5823
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5823
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5823
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5823
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5823
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5823
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5867
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5867
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5867

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5867
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5867
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5867
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5865
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5865
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5865
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5865
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5865
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5865
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5873
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5829
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5825
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5825
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5825
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5825
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5825
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5825
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5848
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5848
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5848
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5848
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5848
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5848
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5891
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5891
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5891

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5891
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5891
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5891
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5876
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5876
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5876
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5876
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5876
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5876
AHKFTA	2022	2022	4	AKH!D5879
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E5879
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F5879
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G5879
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H5879
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5879
EVFTA	2022	2022	2	EV-NK!D5864
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5864
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5864
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5864
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5864
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5864
UKVFTA	2022	2022	2	UKV!D5866
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5866
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5866
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5866
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5866

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5866
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5848
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5848
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5848
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5848
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5848
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5848
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5848
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5869
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5869
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5869
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5869
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5869
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5869
RCEP B	2022	2022	0	B!D5869
RCEP B	2023	2023	0	B!E5869
RCEP B	2024	2024	0	B!F5869
RCEP B	2025	2025	0	B!G5869
RCEP B	2026	2026	0	B!H5869
RCEP B	2027	2027	0	B!I5869
RCEP C	2022	2022	0	C!D5869
RCEP C	2023	2023	0	C!E5869
RCEP C	2024	2024	0	C!F5869
RCEP C	2025	2025	0	C!G5869
RCEP C	2026	2026	0	C!H5869
RCEP C	2027	2027	0	C!I5869

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D5869
RCEP D	2023	2023	0	D!E5869
RCEP D	2024	2024	0	D!F5869
RCEP D	2025	2025	0	D!G5869
RCEP D	2026	2026	0	D!H5869
RCEP D	2027	2027	0	D!I5869
RCEP E	2022	2022	0	E!D5872
RCEP E	2023	2023	0	E!E5872
RCEP E	2024	2024	0	E!F5872
RCEP E	2025	2025	0	E!G5872
RCEP E	2026	2026	0	E!H5872
RCEP E	2027	2027	0	E!I5872
RCEP F	2022	2022	0	F!D5869
RCEP F	2023	2023	0	F!E5869
RCEP F	2024	2024	0	F!F5869
RCEP F	2025	2025	0	F!G5869
RCEP F	2026	2026	0	F!H5869
RCEP F	2027	2027	0	F!I5869
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5418
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5418
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5418
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5418

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3920.62 có 3 dòng thuế; dòng 3920.62.91 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Màng bảo vệ chắn ánh sáng mặt trời (SEN).	3920.62.10 Dạng tấm và phiến (SEN); 3920.62.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3920.62.91 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3920.62.91	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3920.62.91. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 6% của mã 3920.62.91 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6052), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.